

Hải Phòng, ngày tháng năm 2024

BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG CỦA CHÍNH SÁCH
Đề nghị xây dựng Nghị quyết của Hội đồng nhân dân thành phố
Quy định Cơ chế, chính sách hỗ trợ chuyển đổi nghề khai thác thủy sản cho
ngư dân thành phố Hải Phòng đến năm 2030

Thực hiện Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2020; Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn xây dựng báo cáo đánh giá tác động của chính sách hỗ trợ chuyển đổi nghề khai thác hải sản trên địa bàn thành phố Hải Phòng đến năm 2030 như sau:

I. XÁC ĐỊNH VẤN ĐỀ BẮT CẬP TỔNG QUAN

1. Bối cảnh xây dựng chính sách

Nhiều năm qua, khai thác thủy sản thành phố luôn duy trì tốc độ tăng trưởng khá, đóng góp quan trọng vào phát triển kinh tế thủy sản của thành phố, ổn định sinh kế và nâng cao thu nhập cho ngư dân, góp phần quan trọng trong việc phát triển kinh tế biển, bảo vệ chủ quyền biển và hải đảo của Tổ quốc:

- Giai đoạn 2016-2020, giá trị sản xuất khai thác thủy sản tăng 6,37%/năm, sản lượng khai thác thủy sản tăng 10,64%/năm. Giai đoạn 2020-2023, giá trị sản xuất khai thác thủy sản tăng 3,71%/năm; sản lượng khai thác tăng 4,00%/năm.

- Đội tàu khai thác thủy sản phát triển theo hướng tăng khai thác xa bờ, giảm khai thác ven bờ, phát triển đa dạng với nhiều loại nghề (lưới kéo, lưới rê, câu, chụp, lồng, dịch vụ hậu cần và nhóm nghề khác).

Tuy nhiên, trong giai đoạn hiện nay, khai thác thủy sản thành phố còn những tồn tại, hạn chế cần tập trung khắc phục, đó là:

Một là, còn tồn tại tàu cá không đủ điều kiện hoạt động thủy sản, tiềm ẩn nguy cơ tàu cá vi phạm IUU (nếu đi khai thác). Trong tổng số **952 tàu cá**, có: **842 tàu** đủ điều kiện khai thác thủy sản; **38 tàu đã đăng ký** nhưng không đủ điều kiện khai thác thủy sản, đang nằm bờ (không có: giấy phép khai thác, thiết bị giám sát hành trình và nhiều nguyên nhân khác); **79 tàu** không đủ điều kiện đăng ký tàu cá (tàu cá 03 không: Không đăng ký, Không đăng kiểm, Không giấy phép

khai thác) do ngư dân tự đóng, tự mua, không đủ giấy tờ để hoàn thiện hồ sơ đăng ký tàu cá.

Hai là, số lượng tàu cá nhỏ, khai thác ven bờ còn lớn. Trong tổng số 952 tàu cá có: 391 tàu khai thác ở vùng bờ (chiếm **41,07%** tổng số tàu cá); 223 tàu khai thác ở vùng lộng (chiếm **23,42%** tổng số tàu cá); 338 tàu khai thác ở vùng khơi (chiếm **35,50%** tổng số tàu cá). Trong khi đó, khai thác thủy sản ở ven bờ theo phương thức truyền thống là chủ yếu, tổ chức đánh bắt theo kiểu tận thu, nơi trú ẩn, bãi đẻ ven bờ bị thu hẹp làm cho nguồn lợi suy giảm.

Ba là, tàu cá làm nghề cấm còn lớn. Số lượng tàu làm các nghề thuộc danh mục nghề cấm theo Thông tư số 01/2022/TT-BNNPTNT ngày 18/01/2022 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn là **153 tàu cá**, trong đó: **147** tàu hoạt động ở vùng bờ (*98 đủ điều kiện khai thác, 6 tàu đã đăng ký nhưng không còn đủ điều kiện khai thác, 43 tàu chưa đăng ký*), **06** tàu ở vùng lộng (*đủ điều kiện khai thác*).

Các tồn tại nêu trên đã được Trung ương chỉ đạo các địa phương tập trung xử lý dứt điểm. Tại Công điện số 1058/CĐ-TTg ngày 04/11/2023 của Thủ tướng Chính phủ về việc tập trung thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp cấp bách, trọng tâm chống khai thác IUU, gỡ cảnh báo “thẻ vàng” của Ủy ban Châu Âu đã giao các địa phương: *“Ban hành cơ chế, chính sách chuyển đổi, hỗ trợ sinh kế cho ngư dân tự nguyện không tham gia hoạt động khai thác thủy sản hoặc tàu cá không còn đủ điều kiện theo quy định”*. Tại Quyết định số 208/QĐ-TTg ngày 10/3/2023 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án chuyển đổi một số nghề khai thác thủy sản ảnh hưởng đến nguồn lợi và môi trường sinh thái đã giao trách nhiệm cho các địa phương: *“Ban hành chính sách hỗ trợ cho ngư dân chuyển đổi nghề từ các nghề khai thác thủy sản ảnh hưởng đến nguồn lợi thủy sản, môi trường và hệ sinh thái sang các nghề khai thác thân thiện với môi trường gắn với hiện đại hóa tàu cá hoặc chuyển ra ngoài lĩnh vực khai thác phù hợp với định hướng phát triển nghề cá và điều kiện kinh tế xã hội của địa phương. Nguồn kinh phí do Ủy ban nhân dân tỉnh đảm bảo thực hiện đối với các tỉnh tự cân đối được ngân sách”*.

Bên cạnh đó, Ủy ban châu Âu (EC) đã cảnh báo “Thẻ vàng” về các hạn chế trong việc kiểm soát hoạt động khai thác thủy sản bất hợp pháp, không báo cáo và không theo quy định (IUU) đối với nghề cá Việt Nam. Qua đó, EC đã đưa ra 09 khuyến nghị đối với ngành thủy sản Việt Nam, bao gồm khuyến nghị liên quan trực tiếp đến nguồn lợi và cường lực khai thác hải sản như: (1) Sửa đổi khung pháp lý để đảm bảo tuân thủ các quy tắc quốc tế và khu vực áp dụng cho việc bảo tồn và quản lý nguồn lợi thủy sản; (2) Cân bằng năng lực khai thác và chính sách phát triển tàu cá; (3) Tăng cường truy xuất nguồn gốc sản phẩm thủy sản và thực hiện tất cả các bước cần thiết, phù hợp với luật pháp quốc tế; để

ngăn chặn các sản phẩm thủy sản đánh bắt bất hợp pháp được buôn bán và nhập khẩu vào lãnh thổ; (4) Đảm bảo tuân thủ các nghĩa vụ thu thập và báo cáo số liệu cho các tổ chức quản lý nghề cá khu vực.

Để đưa nghề cá phát triển theo hướng bền vững, ngày 21/11/2017, Quốc hội khóa XIV kỳ họp thứ 4 đã thông qua Luật Thủy sản số 18/2017/QH14, có hiệu lực từ ngày 01/01/2019. Tại Khoản 3, Điều 48 của Luật quy định “Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quản lý khai thác thủy sản tại vùng ven bờ, vùng lòng trên địa bàn”; Khoản 3, Điều 49 nêu “Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xác định hạn ngạch Giấy phép khai thác thủy sản, sản lượng cho phép khai thác theo loài tại vùng ven bờ và vùng lòng thuộc phạm vi quản lý”; Điểm e, Khoản 2, Điều 6 có nêu: Trong từng thời kỳ và khả năng của ngân sách, nhà nước hỗ trợ ngư dân trong thời gian cấm khai thác thủy sản, chuyển đổi nghề nhằm giảm cường lực khai thác thủy sản ven bờ.

Bên cạnh đó, theo quy định, Hội đồng nhân dân cấp tỉnh có nhiệm vụ, quyền hạn: *“Quyết định các chế độ chi ngân sách đối với một số nhiệm vụ chi có tính chất đặc thù ở địa phương ngoài các chế độ, tiêu chuẩn, định mức chi ngân sách do Chính phủ, Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành để thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm trật tự, an toàn xã hội trên địa bàn, phù hợp với khả năng cân đối của ngân sách địa phương”* (Điểm h Khoản 9 Điều 30 Luật Ngân sách nhà nước năm 2015); *“Quyết định các biện pháp khác để phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn tỉnh theo quy định của pháp luật”*, *“biện pháp quản lý, sử dụng đất đai, tài nguyên nước, tài nguyên khoáng sản, nguồn lợi ở vùng biển, vùng trời, tài nguyên thiên nhiên khác, bảo vệ môi trường trong phạm vi được phân quyền”* (Điểm đ và h Khoản 3 Điều 19 Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015). Theo quy định tại khoản 4 Điều 27 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015, Hội đồng nhân dân cấp tỉnh có thẩm quyền ban hành Nghị quyết để quy định *“Biện pháp có tính chất đặc thù phù hợp với điều kiện phát triển kinh tế xã hội của địa phương”*.

Từ những căn cứ trên, để phát triển khai thác thủy sản bền vững, hỗ trợ ngư dân vươn khơi, bám biển, thực hiện tốt các quy định về chống khai thác IUU, từng bước hiện đại hóa đội tàu khai thác thủy sản, việc xây dựng Nghị quyết Quy định Cơ chế, chính sách hỗ trợ chuyển đổi nghề khai thác thủy sản cho ngư dân thành phố Hải Phòng đến năm 2030 là cần thiết, xuất phát từ thực tiễn và thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân thành phố.

2. Quan điểm, mục tiêu xây dựng chính sách

2.1. Quan điểm

Cơ chế, chính sách dẫn dắt, thúc đẩy chuyển đổi nghề khai thác thủy sản đảm bảo phát triển khai thác thủy sản bền vững với cơ cấu nghề phù hợp; chấm dứt các tàu không đủ điều kiện khai thác thủy sản, hoạt động nghề cấm; giảm

thiếu các nghề nghề khai thác có tính hủy diệt nguồn lợi thủy sản, chuyển đổi các nghề xâm hại lớn đến nguồn lợi thủy sản, sử dụng nhiều nhiên liệu sang các nghề thân thiện với môi trường và nguồn lợi thủy sản.

Tổ chức lại hoạt động khai thác thủy sản vùng lộng, vùng ven bờ hợp lý, khoa học, đảm bảo sinh kế của cộng đồng ngư dân; gắn với bảo vệ và phát triển nguồn lợi thủy sản; tuân thủ các quy tắc ứng xử nghề cá có trách nhiệm, chống khai thác thủy sản bất hợp pháp, không báo cáo và không theo quy định.

Cơ chế, chính sách được xây dựng phù hợp với chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng và pháp luật của Nhà nước về phát triển kinh tế thủy sản; đảm bảo công bằng, công khai, minh bạch; khả thi khi triển khai thực hiện. Các tổ chức, cá nhân tiếp cận nguồn kinh phí hỗ trợ thuận lợi nhất.

2.2. Mục tiêu

- Hỗ trợ ngư dân giải bản các tàu cá hoạt động nghề cấm, xâm hại đến nguồn lợi thủy sản và môi trường sinh thái; tàu cá không còn đủ điều kiện khai thác thủy sản; tàu chưa thực hiện đăng ký tàu cá; hỗ trợ ngư dân ổn định đời sống sau khi tự nguyện giải bản tàu cá, không tham gia khai thác thủy sản.

- Hỗ trợ ngư dân chuyển đổi ngư cụ, phương thức khai thác thủy sản cấm, xâm hại nguồn lợi sang ngư cụ, phương thức khai thác theo quy định và thân thiện với nguồn lợi thủy sản ở vùng biển ven bờ và vùng lộng của Hải Phòng nhằm phát triển nghề khai thác thủy sản hiệu quả và bền vững.

II. ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG CỦA CHÍNH SÁCH

1. Chính sách 1: Hỗ trợ giải bản (phá dỡ) tàu cá khai thác thủy sản vùng bờ và vùng lộng

1.1. Xác định vấn đề bất cập:

Qua điều tra, nguồn lợi thủy sản vùng lộng và vùng bờ Hải Phòng đang suy giảm. Trong khi đó, số lượng tàu có chiều dài dưới 15m còn lớn, 614/952 tàu (vùng bờ là 391 tàu, vùng khơi là 223 tàu), chiếm 64,50% tổng số tàu cá toàn thành phố, đã gây áp lực lớn lên nguồn lợi thủy sản ở vùng bờ và vùng lộng vốn đang cạn kiệt.

Các nước trên thế giới đang có xu hướng giảm cường lực khai thác (giải bản bớt tàu thuyền khai thác), đặc biệt rất nhiều nước như Nhật Bản, Thái Lan, Indonesia,... cấm hẳn nghề lưới kéo khai thác ở vùng ven bờ. Trong khi đó, trong cơ cấu nghề khai thác của Hải Phòng thì nghề lưới kéo và nghề xâm hại nguồn lợi (nghề cấm) chiếm tỷ lệ còn lớn, 16,12% tổng số tàu cá thành phố.

Bên cạnh đó, thành phố còn tồn tại tàu cá không đủ điều kiện hoạt động thủy sản, tiềm ẩn nguy cơ tàu cá vi phạm IUU (nếu đi khai thác), gồm: 38 tàu đã đăng ký nhưng không đủ điều kiện khai thác thủy sản, đang nằm bờ (không có: giấy phép khai thác, thiết bị giám sát hành trình và nhiều nguyên nhân khác); 72

tàu không đủ điều kiện đăng ký tàu cá (tàu cá 03 không: Không đăng ký, Không đăng kiểm, Không giấy phép khai thác) do ngư dân tự đóng, tự mua, không đủ giấy tờ để hoàn thiện hồ sơ đăng ký tàu cá.

Chính vì vậy, để đạt được mục tiêu về chống khai thác IUU, gỡ cảnh báo “Thẻ vàng” của Ủy ban Châu Âu, giảm cường lực khai thác ở vùng ven bờ, bảo vệ và phát triển bền vững nguồn lợi thủy sản, ổn định sinh kế và tạo việc làm mới cho cộng đồng ngư dân sau chuyển đổi thì việc thực hiện chính sách hỗ trợ giải bản tàu là rất cần thiết.

1.2. Mục tiêu giải quyết vấn đề: Giải bản các tàu cá hoạt động nghề cấm, xâm hại đến nguồn lợi thủy sản và môi trường sinh thái; tàu cá không còn đủ điều kiện khai thác thủy sản; tàu chưa thực hiện đăng ký tàu cá. Hỗ trợ ngư dân ổn định đời sống sau khi tự nguyện thực hiện giải bản tàu cá, không tham gia khai thác thủy sản.

1.3. Giải pháp đề xuất:

a) Ngân sách nhà nước hỗ trợ cho chủ tàu cá kinh phí giải bản (phá dỡ) tàu cá và ổn định đời sống sau khi hoàn thành thực hiện giải bản tàu cá.

- Mức hỗ trợ giải bản tàu cá như sau:

Nhóm tàu cá	Thời gian hoạt động của tàu cá		
	Từ 10 năm đến dưới 15 năm	Từ 15 năm đến dưới 20 năm	Từ 20 năm trở lên
Tàu cá có chiều dài lớn nhất từ 6m đến dưới 12m	100 triệu đồng/tàu	80 triệu đồng/tàu	60 triệu đồng/tàu
Tàu cá có chiều dài lớn nhất từ 12m trở lên	250 triệu đồng/tàu	185 triệu đồng/tàu	125 triệu đồng/tàu

Thời gian hoạt động của tàu cá = Năm đăng ký thực hiện giải bản – Năm đóng tàu đối với tàu đã đăng ký hoặc năm mua tàu đối với tàu chưa đăng ký.

- Mức hỗ trợ ổn định đời sống: 12.960.000 đồng/tàu cá¹.

b) Tàu cá được hưởng hỗ trợ phải đáp ứng đồng thời các điều kiện sau:

- Tàu cá có chiều dài lớn nhất từ 6m đến dưới 12m đang hoạt động các nghề: lưới kéo (trừ lưới kéo moi/ruốc), lồng xếp (lò dây, bát quai, dón, lừ), nghề kết hợp ánh sáng (trừ nghề câu tay mực); đáy, xăm, chần, xiệp, xích, te, xẻo kết hợp với tàu có gắn động cơ; nghề cào đáy bằng khung sắt có kết hợp với tàu, máy kéo, bơm thổi (cào lươn, cào nhuyễn thể, banh lông) ở vùng bờ; tàu cá có chiều dài lớn nhất từ 12m đến dưới 15m đang hoạt động nghề cào đáy bằng

¹ Áp dụng mức hỗ trợ ổn định đời sống theo Điều 4 Nghị quyết số 05/2021/NQ-HĐND ngày 12/8/2021 của Hội đồng nhân dân thành phố: 6.480.000 đồng/nhân khẩu x 02 nhân khẩu = 12.960.000 đồng.

khung sắt có kết hợp với tàu, máy kéo, bơm thổi (cào lươn, cào nhuyễn thể, banh lông) ở vùng lộng; tàu cá có tên trong danh sách xem xét hỗ trợ (*kèm theo tại phụ lục Nghị quyết này*).

- Đăng ký tham gia thực hiện chính sách và được Chi cục Thủy sản chấp thuận.

- Tàu cá còn khả năng hoạt động khai thác thủy sản tính đến thời điểm thực hiện giải bản.

1.4. Đánh giá tác động của giải pháp:

a) Tác động về kinh tế

Đối với Nhà nước: Thành phố cần bố trí kinh phí để thực hiện chính sách hỗ trợ đến năm 2030 là 26.605 triệu đồng, từ đó làm giảm ngân sách của thành phố. Tuy nhiên kinh phí này là không lớn so với giá trị gia tăng mà ngành thủy sản mang lại:

- Năm 2020, giá trị khai thác thủy sản (giá so sánh năm 2010) đạt 2.584,2 tỷ đồng, sản lượng khai thác thủy sản đạt 109.341 tấn; giá trị kim ngạch xuất khẩu thủy sản đạt 73,03 triệu USD. Năm 2023, giá trị khai thác thủy sản ước đạt 2.882 tỷ đồng, sản lượng khai thác ước đạt 123.000 tấn.

- Kết luận số 213-KL/TU ngày 14/11/2022 của Ban thường vụ Thành ủy về phát triển kinh tế thủy sản, xây dựng Hải Phòng trở thành Trung tâm nghề cá lớn của cả nước gắn với ngư trường Vịnh bắc bộ đã xác định: Mục tiêu đến năm 2025, tốc độ tăng trưởng sản lượng đạt 2,5-3,0%/năm; tổng sản lượng thủy sản đạt trên 200 nghìn tấn (khai thác chiếm 60%, nuôi trồng chiếm 40%); kim ngạch xuất khẩu đến năm 2025 đạt 100 triệu USD. Đến năm 2030, tốc độ tăng trưởng sản lượng đạt 5,0%/năm; tổng sản lượng thủy sản đạt trên 250 nghìn tấn (khai thác chiếm 52%, nuôi trồng chiếm 48%)

Đối với ngư dân, chính sách có tác động tích cực: Tàu cá tham gia thực hiện giải bản chủ yếu là tàu cá của thời gian hoạt động lâu năm, không còn đủ điều kiện khai thác thủy sản, hiệu quả khai thác thấp, thu nhập không ổn định. Việc giải bản tàu cá hoạt động hiệu quả thấp làm tăng nguồn lợi thủy sản và giảm chi phí khai thác cho ngư dân; hỗ trợ giải bản và ổn định đời sống cho ngư dân sau giải bản tạo điều kiện cho ngư dân trong tìm kiếm việc làm, chuyển đổi sang nghề mới có thu nhập ổn định hơn.

Chính sách không có tác động tiêu cực.

b) Tác động về xã hội

- Chung sức với cả nước, quyết tâm chấm dứt tàu cá vi phạm IUU, phát triển nghề cá bền vững, nâng cao vị thế, uy tín của Việt Nam đối với cộng đồng thế giới.

- Góp phần giúp cho cộng đồng ngư dân có tàu giải bản có sinh kế ổn định;

góp phần khắc phục được tình trạng thiếu lao động trên tàu khai thác hải sản.

c) Tác động về giới

Việc xây dựng và ban hành chính sách không gây bất bình đẳng về giới; mọi đối tượng là nam hay nữ đều bình đẳng trong việc tiếp cận và thụ hưởng chính sách. Chính sách tạo điều kiện cho chủ tàu cá, lao động và gia đình an tâm khi chuyển đổi nghề; cơ hội để giới nữ tham gia lao động trong các nghề khác nhẹ nhàng hơn.

d) Tác động của thủ tục hành chính

Hồ sơ đề nghị thực hiện chính sách hỗ trợ, gồm: Đơn đề nghị hỗ trợ có xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp xã (theo mẫu); Đăng ký tham gia thực hiện chính sách được Chi cục Thủy sản chấp thuận (theo mẫu); Giấy chứng nhận hoặc giấy xác nhận đăng ký tàu cá do cơ quan có thẩm quyền cấp (*bản sao*); Biên bản xác nhận thực hiện giải bản tàu cá do Chi cục Thủy sản lập (theo mẫu).

Trình tự, thủ tục thực hiện chính sách hỗ trợ, gồm:

Bước 1. Chủ tàu cá nộp Bản Đăng ký tham gia thực hiện chính sách đến Chi cục Thủy sản.

Bước 2. Trong thời gian 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được Bản Đăng ký, Chi cục Thủy sản kiểm tra và có ý kiến chấp thuận hoặc không chấp thuận trực tiếp vào bản Đăng ký tham gia thực hiện chính sách và gửi cho chủ tàu cá.

Bước 3. Trường hợp Đăng ký đã được chấp thuận, chủ tàu cá thực hiện theo hướng dẫn của Chi cục Thủy sản và nộp 01 (một) bộ hồ sơ đề nghị hỗ trợ đến Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (qua Chi cục Thủy sản).

Bước 4. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thành lập Hội đồng thẩm định hồ sơ đề nghị hỗ trợ của chủ tàu cá. Thành phần Hội đồng thẩm định gồm lãnh đạo: Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Tài chính, Ủy ban nhân dân các huyện, quận, Bộ Chỉ huy Bộ đội biên phòng Hải Phòng và Chi cục trưởng Chi cục Thủy sản.

Trong thời gian 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ, Hội đồng thẩm định tổ chức thẩm định, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tổng hợp gửi Sở Tài chính trình Ủy ban nhân dân thành phố phê duyệt danh sách hỗ trợ.

Bước 5. Căn cứ vào Quyết định phê duyệt của Ủy ban nhân dân thành phố, Sở Tài chính lập lệnh chi tiền gửi Kho bạc Nhà nước cấp huyện để hỗ trợ cho chủ tàu cá theo quy định.

Biểu đánh giá tác động thủ tục hành chính: (*Chi tiết tại phụ lục kèm theo*)

Như vậy, chính sách hỗ trợ ngư dân giải bản tàu cá là chính sách có tính chất đặc thù, thuộc thẩm quyền của Hội đồng nhân dân thành phố, phù hợp với điều kiện phát triển kinh tế xã hội của thành phố theo quy định tại Khoản 4, Điều 27 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015 và Khoản 4,

Điều 12 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2020. Chính sách làm phát sinh thêm thủ tục hành chính; tuy nhiên, hồ sơ, thủ tục hưởng chính sách hỗ trợ đơn giản, bao gồm những giấy tờ liên quan đến đề nghị hỗ trợ theo quy định và không làm phát sinh phí, lệ phí tuân thủ thủ tục hành chính.

e) Tác động đối với hệ thống pháp luật

- Góp phần giảm các tàu cá không còn đủ điều kiện hoạt động thủy sản theo quy định của pháp luật, hạn chế tàu khai thác thủy sản bất hợp pháp; từ đó ổn định hoạt động sản xuất cho ngư dân.

- Triển khai theo quy định của pháp luật: Điểm e, Khoản 2, Điều 6 “Hỗ trợ ngư dân trong thời gian cấm khai thác thủy sản, chuyển đổi nghề nhằm giảm cường lực khai thác thủy sản ven bờ.

- Thực hiện theo chủ trương, chiến lược phát triển thủy sản đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 tại Quyết định số 339/QĐ-TTg đó là “Giảm dần cường lực khai thác đảm bảo phù hợp với trữ lượng nguồn lợi hải sản; giảm thiểu, tiến tới chấm dứt các nghề có tính hủy diệt nguồn lợi thủy sản” và tại Quyết định số 208/QĐ-TTg ngày 10/3/2023 phê duyệt Đề án chuyển đổi một số nghề khai thác thủy sản ảnh hưởng đến nguồn lợi và môi trường sinh thái.

1.5. Kiến nghị giải pháp lựa chọn:

Hội đồng nhân dân thành phố thông qua chính sách hỗ trợ cho các cá nhân theo các mức đã đề xuất ở trên. Ngân sách thành phố hỗ trợ trực tiếp kinh phí cho chủ tàu (qua Kho bạc Nhà nước huyện, quận) sau khi hoàn thành giải bản tàu cá trên cơ sở hồ sơ đề nghị hỗ trợ của chủ tàu cá.

Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Ủy ban nhân dân các quận huyện và các sở, ngành liên quan chỉ đạo các phòng, ban, đơn vị chức năng hướng dẫn thực hiện, thẩm định hiện trạng tàu, ngư cụ, thiết bị; hướng dẫn thực hiện giải bản và lập hồ sơ hỗ trợ tài chính theo đúng quy định pháp luật.

2. Chính sách 2: Hỗ trợ kinh phí mua ngư cụ, máy tời để chuyển đổi nghề khai thác thủy sản

2.1. Xác định vấn đề bất cập:

Số lượng tàu khai thác thủy sản ở vùng bờ và vùng lộng của Hải Phòng hiện có 614/952 tàu (vùng bờ là 391 tàu, vùng khơi là 223 tàu), chiếm 64,50% tổng số tàu cá toàn thành phố. Trong số đó, có 153 tàu làm nghề cấm (110 tàu đã đăng ký và 43 tàu chưa đăng ký), việc số lượng tàu thuyền ven bờ và nghề cấm nhiều đã gây áp lực rất lớn nguồn lợi thủy sản vốn đang suy giảm nghiêm trọng.

Để đảm bảo khai thác bền vững nguồn lợi thủy sản ở vùng bờ và vùng lộng Hải Phòng thì: cần chuyển đổi nghề cho 110 tàu làm nghề cấm sang nghề không cấm, ít ảnh hưởng đến nguồn lợi và môi trường sống (43 tàu chưa đăng ký cần thực hiện giải bản).

Hiện nay, nhiều nước trên thế giới như Nhật Bản, Trung Quốc, Na Uy, Malaysia... tiến hành các chính sách hỗ trợ để ngư dân làm nghề cấm, nghề xâm hại nguồn lợi, nghề lưới kéo chuyển sang các nghề khai thác theo quy định của mỗi nước và chuyển hẳn sang các nghề khác.

Qua điều tra cũng cho thấy nhiều ngư dân Hải Phòng vẫn đang tổ chức đánh bắt theo kiểu tận thu. Điều này được thể hiện qua số lượng tàu của các nghề như: lưới kéo, lồng xếp, đăng, đáy... nằm trong danh mục nghề cấm của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (theo Thông tư số 19/2018/TT-BNNPTNT ngày 15/11/2018) vẫn tồn tại.

Chính vì vậy, để đạt được mục tiêu giảm cường lực khai thác ở vùng ven bờ, bảo vệ và phát triển bền vững nguồn lợi thủy sản, ổn định sinh kế và tạo việc làm mới cho cộng đồng ngư dân sau chuyển đổi thì việc thực hiện chính sách hỗ trợ chuyển đổi nghề là rất cần thiết.

2.2. Mục tiêu giải quyết vấn đề:

Hỗ trợ ngư dân chuyển đổi ngư cụ, phương thức khai thác thủy sản cấm, xâm hại nguồn lợi sang ngư cụ, phương thức khai thác theo quy định và thân thiện với nguồn lợi thủy sản ở vùng biển ven bờ và vùng lòng của Hải Phòng nhằm phát triển nghề khai thác thủy sản hiệu quả và bền vững.

2.3. Giải pháp đề xuất:

Ngân sách nhà nước hỗ trợ sau đầu tư cho chủ tàu cá có chiều dài lớn nhất từ 6m đến dưới 15m 100% kinh phí mua ngư cụ, máy tời để chuyển đổi từ các nghề: lưới kéo (trừ lưới kéo moi/ruốc), lồng xếp (lò dây, bát quai, dón, lừ), nghề kết hợp ánh sáng (trừ nghề câu tay mực); đáy; xăm; chần; xiệp; xích; te, xẻo kết hợp với tàu có gắn động cơ ở vùng bờ; nghề cào đáy bằng khung sắt có kết hợp với tàu, máy kéo, bơm thổi (cào lươn, cào nhuyễn thể, banh lông) ở vùng bờ và vùng lòng sang nghề câu, nghề lưới rê, nghề lồng bẫy ghẹ và các nghề khác không cấm theo quy định của pháp luật trong phạm vi hạn ngạch cho phép.

Mức hỗ trợ không vượt quá đối với các trường hợp sau:

a) Chuyển sang nghề câu: 50 triệu đồng đối với tàu cá có chiều dài lớn nhất từ 6m đến dưới 12m và 80 triệu đồng đối với tàu cá có chiều dài lớn nhất từ 12m đến dưới 15m.

b) Chuyển sang nghề lưới rê: 155 triệu đồng đối với tàu cá có chiều dài lớn nhất từ 6m đến dưới 12m và 295 triệu đồng đối với tàu cá có chiều dài lớn nhất từ 12 m đến dưới 15m.

c) Chuyển sang nghề lồng bẫy ghẹ: 125 triệu đồng đối với tàu cá có chiều dài lớn nhất từ 6m đến dưới 12m và 205 triệu đồng đối với tàu cá có chiều dài lớn nhất từ 12m đến dưới 15m.

d) Chuyển sang các nghề khác không cấm theo quy định pháp luật: 80 triệu đồng đối với tàu cá có chiều dài lớn nhất từ 6m đến dưới 12m và 110 triệu đồng đối với tàu cá có chiều dài lớn nhất từ 12m đến dưới 15m.

2.4. Đánh giá tác động của giải pháp:

a) Tác động về kinh tế

Đối với Nhà nước: Phát triển đội tàu khai thác thủy sản hiện đại, đi đôi với bảo vệ nguồn lợi thủy sản, đáp ứng yêu cầu theo quy định của pháp luật và khuyến cáo của EC về chống khai thác IUU, góp phần quan trọng trong việc thực hiện mục tiêu xây dựng thành phố Hải Phòng là trọng điểm kinh tế biển của cả nước, trở thành trung tâm nghề cá, dịch vụ hậu cần nghề cá và tìm kiếm cứu nạn khu vực phía Bắc. Thành phố cần bố trí kinh phí để thực hiện chính sách hỗ trợ này đến năm 2030 khoảng 11,58 tỷ đồng, từ đó làm giảm ngân sách của thành phố. Tuy nhiên kinh phí này là không lớn so với giá trị gia tăng mà ngành thủy sản mang lại:

- Năm 2020, giá trị khai thác thủy sản (giá so sánh năm 2010) đạt 2.584,2 tỷ đồng, sản lượng khai thác thủy sản đạt 109.341 tấn; giá trị kim ngạch xuất khẩu thủy sản đạt 73,03 triệu USD. Năm 2023, giá trị khai thác thủy sản ước đạt 2.882 tỷ đồng, sản lượng khai thác ước đạt 123.000 tấn.

- Kết luận số 213-KL/TU ngày 14/11/2022 của Ban thường vụ Thành ủy về phát triển kinh tế thủy sản, xây dựng Hải Phòng trở thành Trung tâm nghề cá lớn của cả nước gắn với ngư trường Vịnh bắc bộ đã xác định: Mục tiêu đến năm 2025, tốc độ tăng trưởng sản lượng đạt 2,5-3,0%/năm; tổng sản lượng thủy sản đạt trên 200 nghìn tấn (khai thác chiếm 60%, nuôi trồng chiếm 40%); kim ngạch xuất khẩu đến năm 2025 đạt 100 triệu USD. Đến năm 2030, tốc độ tăng trưởng sản lượng đạt 5,0%/năm; tổng sản lượng thủy sản đạt trên 250 nghìn tấn (khai thác chiếm 52%, nuôi trồng chiếm 48%)

Đối với ngư dân, chính sách có tác động tích cực: Giảm cường lực khai thác ở vùng ven bờ, vùng lộng; bảo vệ và phát triển bền vững nguồn lợi thủy sản, ổn định sinh kế và tạo việc làm mới cho cộng đồng ngư dân; sau khi hoàn thiện việc chuyển đổi nghề thì thu nhập của ngư dân sẽ tăng khoảng 15-20% sau 2-3 năm và sau 05 năm sẽ tăng khoảng 30%.

b) Tác động về xã hội

Khuyến khích và nâng cao trách nhiệm cho ngư dân trong việc thực hiện các quy định của pháp luật về khai thác thủy sản; thực hiện khai thác thủy sản có trách nhiệm và bền vững; nâng cao vị thế, uy tín của Việt Nam đối với thế giới.

Ổn định đời sống của cộng đồng ngư dân; từng bước đưa thu nhập của lao động trong lĩnh vực khai thác thủy sản tiệm cận với các ngành nghề khác trong xã hội, hạn chế được mức độ phụ thuộc của ngư dân đối với khai thác hải sản.

c) *Tác động về giới:* Việc xây dựng và ban hành chính sách hỗ trợ chuyển đổi nghề khai thác thủy sản không gây bất bình đẳng về giới; mọi đối tượng là nam hay nữ đều bình đẳng trong việc tiếp cận và thụ hưởng chính sách.

d) *Tác động của thủ tục hành chính*

Hồ sơ thực hiện chính sách hỗ trợ, gồm: Đơn đề nghị hỗ trợ có xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp xã (*theo mẫu*), Đăng ký tham gia thực hiện chính sách đã được Chi cục Thủy sản chấp thuận (*theo mẫu*), Giấy phép khai thác thủy sản ghi nghề khai thác được chuyển đến (*bản sao*), Hóa đơn mua ngư cụ, máy tời.

Trình tự, thủ tục thực hiện chính sách hỗ trợ, gồm: *Tương tự chính sách 1*

Biểu đánh giá tác động thủ tục hành chính: (*chi tiết tại phụ lục kèm theo*)

Như vậy, chính sách hỗ trợ kinh phí mua ngư cụ, trang thiết bị, cải hoán tàu cá để chuyển đổi nghề khai thác thủy sản là chính sách đặc thù, thuộc thẩm quyền của Hội đồng nhân dân thành phố, phù hợp với điều kiện phát triển kinh tế xã hội của thành phố theo quy định tại Khoản 4, Điều 27 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015 và Khoản 4, Điều 12 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2020. Chính sách làm phát sinh thêm thủ tục hành chính; tuy nhiên, hồ sơ, thủ tục hưởng chính sách hỗ trợ đơn giản, bao gồm những giấy tờ liên quan đến đề nghị hỗ trợ theo quy định và không làm phát sinh phí, lệ phí tuân thủ thủ tục hành chính.

e) *Tác động đối với hệ thống pháp luật*

Đối với tàu cá: Việc chuyển đổi nghề sẽ giúp ngư dân yên tâm sản xuất, tránh được thiệt hại về kinh tế do bị xử phạt khai thác sai nghề so với quy định. Ngoài ra, việc chuyển đổi nghề cũng cho thấy gần 80% ngư dân có thu nhập tốt hơn so với nghề cũ.

Việc hỗ trợ chuyển đổi cơ cấu nghề nghiệp sẽ từng bước giúp các cơ quan nhà nước thuận lợi trong việc theo dõi, quản lý, giám sát đội tàu khai thác ở vùng bờ và vùng lòng, đặc biệt là quản lý trong mùa mưa bão, cứu hộ, cứu nạn.

Quản lý hạn ngạch khai thác theo quy định của Luật Thủy sản: tại Khoản 3, Điều 48 “Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quản lý khai thác thủy sản tại vùng ven bờ, vùng lòng và khai thác thủy sản nội địa trên địa bàn”; Khoản 3, Điều 49 nêu “Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xác định hạn ngạch Giấy phép khai thác thủy sản, sản lượng cho phép khai thác theo loài tại vùng ven bờ và vùng lòng thuộc phạm vi quản lý”; Điểm a, Khoản 5, Điều 13 nêu “Ủy ban Nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm: Quy định bổ sung nghề, ngư cụ, khu vực cấm khai thác chưa có tên trong danh mục quy định tại khoản 4 điều này phù hợp với thực tế hoạt động bảo vệ và khai thác nguồn lợi thủy sản trên địa bàn”.

Hoàn thiện cơ chế chính sách hỗ trợ chuyển đổi nghề tại Điểm e, Khoản 2, Điều 6 “Hỗ trợ ngư dân trong thời gian cấm khai thác thủy sản, chuyển đổi nghề nhằm giảm cường lực khai thác thủy sản ven bờ”.

Việc thay đổi công cụ phù hợp trong sản xuất, ngư cụ khai thác ít ảnh hưởng đến môi trường, kết hợp với việc quy hoạch vùng khai thác, thời gian khai thác sẽ bảo vệ được môi trường sống, hệ sinh thái của các loài thủy sản, tạo môi trường tốt cho các loài thủy sản phát triển ở vùng ven bờ Hải Phòng.

2.5. Kiến nghị giải pháp lựa chọn:

Hội đồng nhân dân thành phố thông qua chính sách: Hỗ trợ cho các tổ chức, cá nhân theo các mức đã đề xuất ở trên và căn cứ vào hồ sơ thẩm định của chính quyền địa phương và cơ quan quản lý ngành. Ngân sách thành phố hỗ trợ kinh phí trực tiếp cho chủ tàu cá thông qua Kho bạc Nhà nước các quận, huyện sau khi xem xét đầy đủ các điều kiện chuyển đổi nghề theo quy định.

Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Ủy ban nhân dân các quận huyện và các sở, ngành liên quan chỉ đạo các phòng, ban, đơn vị chức năng hướng dẫn thực hiện, thẩm định hiện trạng tàu, ngư cụ, thiết bị; nguyện vọng chuyển nghề mới; hướng dẫn thực hiện giải bản và lập hồ sơ hỗ trợ tài chính theo đúng quy định pháp luật.

III. LẤY Ý KIẾN

Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thực hiện việc lấy ý kiến và tổng hợp, tiếp thu, giải trình các ý kiến tham gia theo quy định.

IV. GIÁM SÁT VÀ ĐÁNH GIÁ

1. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì, phối hợp với các sở, ngành, địa phương liên quan tổ chức thi hành chính sách; theo dõi việc hướng dẫn, tổ chức thi hành chính sách. Hàng năm, tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân thành phố tình hình và kết quả thực hiện việc hỗ trợ theo chính sách, tham mưu Ủy ban nhân dân thành phố báo cáo Thường trực Hội đồng nhân dân thành phố vào kỳ họp cuối năm.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam thành phố, các tổ chức chính trị - xã hội giám sát, đánh giá việc thi hành chính sách./.

SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN

**Phụ lục. BIỂU ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG CỦA THỦ TỤC HÀNH CHÍNH
TRONG LẬP ĐỀ NGHỊ XÂY DỰNG VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT²**

*(Kèm theo Báo cáo số /BC-SNN ngày / /2024 của Sở Nông nghiệp và
Phát triển nông thôn)*

Tên văn bản đề nghị xây dựng: Nghị quyết Hội đồng nhân dân thành phố quy định cơ chế chính sách hỗ trợ chuyển đổi nghề khai thác thủy sản trên địa bàn thành phố Hải Phòng đến năm 2030.

Tên chính sách 1: Hỗ trợ giải bản (phá dỡ) tàu cá khai thác thủy sản vùng ven bờ.

Tên chính sách 2: Hỗ trợ ngư dân kinh phí mua ngư cụ, trang thiết bị, cải hoán tàu cá để chuyển đổi nghề khai thác thủy sản.

I. SỰ CẦN THIẾT CỦA ĐỀ XUẤT QUY ĐỊNH VỀ THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐỂ THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH

1. Dự kiến nội dung về ngành, lĩnh vực mà Nhà nước cần quản lý hoặc các biện pháp có tính chất đặc thù phù hợp với điều kiện phát triển kinh tế - xã hội của địa phương?

a) Nội dung về ngành, lĩnh vực mà Nhà nước cần quản lý hoặc các biện pháp có tính chất đặc thù phù hợp với điều kiện phát triển kinh tế - xã hội của địa phương:

- Nghị quyết này quy định cơ chế, chính sách hỗ trợ chuyển đổi nghề cho ngư dân hoạt động khai thác thủy sản trên địa bàn thành phố Hải Phòng đến năm 2025:

+ Hỗ trợ chủ tàu cá thực hiện giải bản (phá dỡ) tàu cá khai thác thủy sản vùng ven bờ; hỗ trợ cho chủ tàu thực hiện giải bản tàu cá ổn định đời sống.

+ Hỗ trợ ngư dân kinh phí mua ngư cụ, trang thiết bị, cải hoán tàu cá để chuyển đổi nghề khai thác thủy sản

- Đối tượng áp dụng: Chủ tàu cá có chiều dài lớn nhất từ 6 mét đến dưới 15 mét đăng ký tại thành phố Hải Phòng; Các cơ quan, đơn vị thực hiện quản lý nhà nước và các tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc triển khai thực hiện nghị quyết này.

b) Nêu rõ lý do Nhà nước cần quản lý hoặc ban hành các biện pháp có tính chất đặc thù phù hợp với điều kiện phát triển kinh tế - xã hội của địa phương:

- Căn cứ Luật Thủy sản năm 2017: Khoản 3, Điều 48 nêu rõ “Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quản lý khai thác thủy sản tại vùng ven bờ, vùng

² Theo Biểu mẫu ban hành kèm theo Thông tư số 03/2022/TT-BTP ngày 10 tháng 02 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp

	lộng và khai thác thủy sản nội địa trên địa bàn”; Khoản 3, Điều 49 nêu “Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xác định hạn ngạch Giấy phép khai thác thủy sản, sản lượng cho phép khai thác theo loài tại vùng ven bờ và vùng lộng thuộc phạm vi quản lý”; Điểm e, Khoản 2, Điều 6 có nêu: Trong từng thời kỳ và khả năng của ngân sách, nhà nước hỗ trợ ngư dân trong thời gian cấm khai thác thủy sản, chuyển đổi nghề nhằm giảm cường lực khai thác thủy sản ven bờ. - Căn cứ Nghị định số 26/2019/NĐ-CP ngày 08/3/2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Thủy sản; Thông tư số 19/2018/TT-BNNPTNT ngày 15/11/2018 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về hướng dẫn về bảo vệ và phát triển nguồn lợi thủy sản; Thông tư số 01/2022/TT-BNNPTNT ngày 18/01/2022 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc sửa đổi, bổ sung một số Thông tư trong lĩnh vực thủy sản.
2. Dự kiến nội dung quyền, nghĩa vụ và lợi ích hợp pháp cụ thể của cá nhân, tổ chức cần được bảo đảm?	a) Nội dung quyền, nghĩa vụ và lợi ích hợp pháp cụ thể của cá nhân, tổ chức cần được bảo đảm: - Quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân: + Chủ tàu cá được ngân sách nhà nước hỗ trợ một phần kinh phí sau khi hoàn thành thực hiện giải bản (hủy, phá dỡ) tàu cá có chiều dài lớn nhất từ 6 mét đến dưới 12 mét hoạt động vùng ven bờ và hỗ trợ cho chủ tàu ổn định đời sống thực hiện giải bản theo Nghị quyết này. + Chủ tàu cá có chiều dài lớn nhất từ 6m đến dưới 15 mét được ngân sách nhà nước hỗ trợ sau đầu tư kinh phí mua ngư cụ, trang thiết bị, cải hoán tàu cá để chuyển đổi từ các nghề khai thác thủy sản xâm hại đến nguồn lợi thủy sản ở vùng ven bờ và nghề lưới chum, nghề lồng bắt quai ở vùng lộng sang nghề câu, nghề lưới rê, nghề lồng bẫy ghẹ và các nghề khác không cấm theo quy định pháp luật. - Nghĩa vụ của tổ chức, cá nhân: Đáp ứng đủ điều kiện tham gia hỗ trợ theo chính sách. Nộp hồ sơ, thủ tục hưởng chính sách hỗ trợ đơn giản, bao gồm những giấy tờ liên quan đến hoạt động khai thác thủy sản của ngư dân và hồ sơ giải bản (phá dỡ) tàu cá; mua bán ngư cụ, trang thiết bị, cải hoán tàu cá để thực hiện chuyển đổi nghề theo quy định tại Nghị quyết này. b) Nêu rõ lý do Nhà nước cần quy định: Việc quy định hồ sơ, trình tự thủ tục hỗ trợ trong Nghị quyết là để đảm bảo quyền, lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân tham gia hưởng chính sách; đồng thời quy định nghĩa vụ, trách nhiệm của các tổ chức cá nhân thực hiện để đảm bảo điều kiện thụ hưởng chính sách theo quy định.
3. Dự kiến những	a) Quy định thủ tục hành chính: ☒

phương án, giải pháp có thể sử dụng để thực hiện yêu cầu quản lý nhà nước hoặc thực hiện các biện pháp có tính chất đặc thù phù hợp với điều kiện phát triển kinh tế - xã hội của địa phương và bảo đảm quyền, nghĩa vụ và lợi ích hợp pháp của cá nhân, tổ chức?	- Tên thủ tục hành chính 1: Đề nghị hỗ trợ giải bản (phá dỡ) tàu cá khai thác thủy sản vùng ven bờ - Tên thủ tục hành chính 2: Đề nghị hỗ trợ kinh phí mua ngư cụ, trang thiết bị, cải hoán tàu cá để chuyển đổi nghề khai thác thủy sản - Hồ sơ đề nghị, gồm: + Đối với chính sách hỗ trợ giải bản tàu cá: Đơn đề nghị hỗ trợ có xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp xã (<i>mẫu 01</i>); Giấy chứng nhận hoặc giấy xác nhận đăng ký tàu cá do cơ quan có thẩm quyền cấp (<i>Bản sao có chứng thực</i>); Văn bản xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp xã về tình trạng hoạt động của tàu cá trước khi giải bản; Biên bản thực hiện giải bản tàu cá có xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp xã (<i>mẫu 02</i>). + Đối với chính sách hỗ trợ chuyển đổi nghề khai thác thủy sản: Đơn đề nghị hỗ trợ có xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp xã (<i>mẫu 01</i>); Đơn đề nghị chuyển đổi nghề có xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp xã và ý kiến chấp thuận của Chi cục Thủy sản (<i>mẫu 03</i>); Giấy phép khai thác thủy sản được cấp sau khi chuyển đổi nghề (<i>Bản sao có chứng thực</i>); Hóa đơn, chứng từ mua ngư cụ, trang thiết bị, cải hoán tàu cá. - Quy trình xét duyệt hồ sơ: 1) Chủ tàu cá thực hiện các chính sách theo quy định tại Nghị quyết này, nộp 01 (một) bộ hồ sơ đến Ủy ban nhân dân cấp xã nơi đăng ký hộ khẩu thường trú. 2) Trong thời gian 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ, Ủy ban nhân dân cấp xã chuyển hồ sơ đề nghị hỗ trợ về Ủy ban nhân dân cấp quận/huyện để thẩm định. 3) Trong thời gian 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ, Ủy ban nhân dân cấp huyện tổ chức thẩm định, gửi hồ sơ về Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn. 4) Trong thời gian 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ của Ủy ban nhân dân huyện, quận, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tổng hợp, thống nhất với Sở Tài chính trình Ủy ban nhân dân thành phố quyết định phê duyệt. 5) Căn cứ vào Quyết định phê duyệt của Ủy ban nhân dân thành phố, Sở Tài chính lập lệnh chi tiền gửi Kho bạc Nhà nước cấp huyện để hỗ trợ cho chủ tàu cá, tổ hợp tác theo quy định. - Thủ tục hành chính được: Quy định mới ☒ Sửa đổi, bổ sung ☐
4. Lý do lựa chọn phương án, giải pháp đề xuất quy định thủ tục hành	a) Tên thủ tục hành chính 1: Đề nghị hỗ trợ giải bản (phá dỡ) tàu cá khai thác thủy sản vùng ven bờ b) Tên thủ tục hành chính 2: Đề nghị hỗ trợ kinh phí mua ngư cụ, trang thiết bị, cải hoán tàu cá để chuyển đổi nghề khai thác thủy sản

chính?	- Lý do lựa chọn: Mục tiêu quy định thủ tục hành chính trong Nghị quyết là để đáp ứng mục tiêu quản lý nhà nước về việc sử dụng ngân sách hỗ trợ và đảm bảo sự công bằng, quyền lợi của người dân khi thực hiện chính sách. Quy định rõ trách nhiệm, quyền hạn và nghĩa vụ của các cơ quan, tổ chức, cá nhân trong thực hiện cơ chế, chính sách hỗ trợ ngư dân chuyển đổi nghề khai thác thủy sản trên địa bàn thành phố Hải Phòng.
II. ĐÁNH GIÁ TÍNH HỢP PHÁP, TÍNH HỢP LÝ, CHI PHÍ TUÂN THỦ CỦA TỪNG THỦ TỤC HÀNH CHÍNH	
1. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH 1: Hỗ trợ giải bản (phá dỡ) tàu cá khai thác thủy sản vùng ven bờ	
1.1. Tính hợp pháp của thủ tục hành chính	
1.1.1. Có đề xuất theo không?	Có ☒ Không ☐ Nêu rõ lý do: - Khoản 4, Điều 12 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2020, quy định: “Sửa đổi, bổ sung khoản 4 Điều 14 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015, như sau: Những hành vi bị cấm: “4. Quy định thủ tục hành chính trong thông tư, thông tư liên tịch, quyết định của Tổng Kiểm toán nhà nước, nghị quyết của Hội đồng nhân dân, quyết định của Ủy ban nhân dân, văn bản quy phạm pháp luật của chính quyền địa phương ở đơn vị hành chính - kinh tế đặc biệt, trừ trường hợp được luật, nghị quyết của Quốc hội giao hoặc trường hợp cần thiết phải quy định thủ tục hành chính trong nghị quyết của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quy định tại khoản 4 Điều 27 của Luật này.” - Khoản 4, Điều 27 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015, quy định: Hội đồng nhân dân thành phố ban hành Nghị quyết quy định Biện pháp có tính chất đặc thù phù hợp với điều kiện phát triển kinh tế - xã hội của địa phương. - Chính sách hỗ trợ ngư dân chuyển đổi nghề khai thác thủy sản trên địa bàn thành phố Hải Phòng là chính sách có tính chất đặc thù, phù hợp với điều kiện phát triển kinh tế xã hội của thành phố. Thuộc thẩm quyền của Hội đồng nhân dân thành phố.
1.1.2. Có mâu thuẫn, chồng chéo hoặc không phù hợp, thống nhất với quy định tại các văn bản khác	- Với văn bản của cơ quan nhà nước cấp trên: Có ☐ Không ☒ - Với văn bản của cơ quan khác: Có ☐ Không ☒ - Với điều ước quốc tế có liên quan mà CHXHCN Việt Nam là thành viên: Có ☐ Không ☒

không?	
1.2. Tính hợp lý của thủ tục hành chính	
1.1.1. Tên thủ tục hành chính	
Có được xác định rõ và phù hợp không?	Có ☒ Không ☐ Nêu rõ lý do: Tên thủ tục hành chính được xác định theo nội dung của chính sách hỗ trợ trong Nghị quyết.
1.1.2. Đối tượng thực hiện	
a) Đối tượng thực hiện:	- Tổ chức: Trong nước ☒ Nước ngoài ☐ - Cá nhân: Trong nước ☒ Nước ngoài ☐ - Lý do quy định: Cơ chế, chính sách hỗ trợ chuyển đổi nghề cho ngư dân áp dụng cho đối tượng thực hiện là ngư dân có tàu cá đăng ký tại Hải Phòng để hỗ trợ, khuyến khích ngư dân thành phố giảm bớt khó khăn trong thời gian thực hiện chuyển đổi nghề khai thác thủy sản. - Có thể mở rộng/thu hẹp đối tượng thực hiện không?: Có ☐ Không ☒ Nêu rõ lý do: Đối tượng thực hiện đã được quy định cụ thể trong Nghị quyết, do đó, không thể mở rộng hay thu đối tượng thực hiện.
b) Phạm vi áp dụng:	- Toàn quốc ☐ Vùng ☐ Địa phương ☒ - Nông thôn ☐ Đô thị ☐ Miền núi ☐ - Biên giới, hải đảo ☐ - Lý do quy định: Thủ tục hành chính trong Nghị quyết của Hội đồng nhân dân thành phố là thực hiện cơ chế, chính sách đặc thù của địa phương, chỉ áp dụng tại thành phố Hải Phòng. - Có thể mở rộng/ thu hẹp phạm vi áp dụng không?: Có ☐ Không ☒ Nêu rõ lý do: Phạm vi áp dụng đã được quy định rõ ràng, cụ thể trong Nghị quyết; không thể mở rộng hay thu hẹp phạm vi áp dụng.
1.1.3. Cơ quan giải quyết	
a) Có được xác định rõ thẩm quyền về cơ quan giải quyết thủ tục hành chính không?	Có ☒ Không ☐ Lý do quy định: Thẩm quyền giải quyết thủ tục hành chính được quy định rõ theo chức năng, nhiệm vụ của các cơ quan giải quyết thủ tục hành chính từ cấp xã đến thành phố. Từ đó, xác định trách nhiệm của cơ quan trong việc tiếp nhận và giải quyết thủ tục hành chính đảm bảo theo quy định, tránh chồng chéo.
b) Có thể mở rộng ủy quyền hoặc phân cấp thực hiện không?	Có ☐ Không ☒ Nêu rõ lý do: Trình tự thực hiện, giải quyết thủ tục hành chính đã được quy định cụ thể trách nhiệm của từng cấp cơ quan trong Nghị quyết.

1.3. Chi phí tuân thủ thủ tục hành chính

Có xác định phải nộp phí, lệ phí và các chi phí khác (nếu có) không?	- Lệ phí: Không ☒ Có ☐ - Phí: Không ☒ Có ☐ - Chi phí khác (nếu có): Không ☒ Có ☐
--	---

2. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH 2: Hỗ trợ ngư dân kinh phí mua ngư cụ, trang thiết bị, cải hoán tàu cá để chuyển đổi nghề khai thác thủy sản*(Tương tự Thủ tục hành chính 1 nêu trên)***III. THÔNG TIN LIÊN HỆ**

Họ và tên người điền: Vũ Đức Dũng

Điện thoại: 0982.875838; E-mail: vudung797@gmail.com